

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Trịnh Thị Thanh Hồng.

Ông: Nay Phên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị K** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị K** và anh **Phạm Văn H** có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2002, tại **UBND xã C, huyện A (nay là huyện I), tỉnh Gia Lai** trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 03 con chung, nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh **H** thường xuyên đánh đập chị và sự việc trên đã được chính quyền địa phương hòa giải nhắc nhở nhiều lần. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị **K** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phạm Văn H**.

- Về con chung: Chị **Trần Thị K** và anh **Phạm Văn H** có 03 con chung tên là **Phạm Thị H1**, sinh ngày 26/7/2003; **Phạm Thị H2**, sinh ngày 01/10/2005 và **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008. Hiện cả 02 con chung là **Phạm Thị H1**, sinh ngày 26/7/2003; **Phạm Thị H2**, sinh ngày 01/10/2005 đều đã thành niên, tự lập được nên chị **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng con chung là **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008, chị **K** đề nghị sau khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn anh **Phạm Văn H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị **Trần Thị K** yêu cầu ly hôn, nuôi con chung nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án anh **H** cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, anh **H** cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên cho chị **Trần Thị K** được ly hôn với anh **Phạm Văn H**.

Về con chung: Giao 01 con chung tên là **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008 cho chị **Trần Thị K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **Trần Thị K** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh **Phạm Văn H** mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và 210 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh **H** vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập anh **H** tham gia phiên tòa 02 lần nhưng anh **H** vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nay, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn anh **Phạm Văn H** theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị **Trần Thị K** yêu cầu ly hôn với anh **Phạm Văn H**. Bị đơn anh **H** có địa chỉ cư trú trên địa bàn **huyện I** nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị K** và anh **Phạm Văn H** xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A (nay là huyện I), tỉnh Gia Lai (bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 26/7/2002) theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng chị **K**, anh **H** đã nảy sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh **H** thường xuyên đánh đập, xúc phạm chị **K**. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình ngày 21/02/2024 thể hiện: “Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị **K** và anh **H** là do anh **H** thường xuyên đi chơi vắng nhà, không thương yêu, quý trọng chăm sóc giúp đỡ chị **H** và con, bỏ mặc gia đình. Mặc khác anh **H** thường xuyên đánh đập, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị **K**. Những mâu thuẫn trên đã được 02 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải, nhắc nhở nhiều lần, hiện nay chị **K** và anh **H** đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay”. Như vậy anh **H** đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, là nguyên nhân làm cho cuộc sống hôn nhân giữa chị **K** và anh **H** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, chị **Trần Thị K** và anh **Phạm Văn H** sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị K**, xử cho chị **Trần Thị K** được ly hôn với anh **Phạm Văn H** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị **Trần Thị K** và anh **Phạm Văn H** có 03 con chung tên là **Phạm Thị H1**, sinh ngày 26/7/2003; **Phạm Thị H2**, sinh ngày 01/10/2005 và **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008. Hiện cả 02 con chung là **Phạm Thị H1**, sinh ngày 26/7/2003; **Phạm Thị H2**, sinh ngày 01/10/2005 đều đã thành niên, tự lập được, chị **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Riêng 01 kcon chung tên là **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008, xét yêu cầu của nguyên đơn được nhận nuôi con chung **Phạm Anh V** thấy rằng từ khi chị **K** không chung sống với anh **H** thì con chung là **Phạm Anh V** sống cùng với chị **K**. Xét yêu cầu của chị **K** phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008 cho chị **K** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **K** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Chị **K** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Trần Thị K.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị K** được ly hôn với anh **Phạm Văn H.**

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là **Phạm Anh V**, sinh ngày 04/4/2008 cho chị **Trần Thị K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị K** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **K** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003653, ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Chị **Trần Thị K** đã nộp đủ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/5/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đề yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;

- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Ủy ban nhân dân xã Chư Răng;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Thịnh